

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

BÙI CÔNG PHƯƠNG

KIỂM SOÁT THUẾ TNCN ĐỐI VỚI
THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG
TẠI CÁC TỔ CHỨC CHI TRẢ THU NHẬP DO
CỤC THUẾ TP. ĐÀ NẴNG THỰC HIỆN

Chuyên ngành: Kế toán
Mã số : 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại:
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI

Phản biện 1: TS. TRẦN ĐÌNH KHÔI NGUYỄN

Phản biện 2: PGS.TS NGUYỄN VIỆT

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 08 tháng 01 năm 2011.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) là một hình thức thu quan trọng của Ngân sách Nhà nước (NSNN). Hiện nay, ở các nước phát triển tỷ trọng thu ngân sách của thuế TNCN chiếm rất cao từ 30% đến 40%, có nước lên đến 50% như Mỹ, Nhật, Canada..., các nước đang phát triển chiếm từ 15% - 30% như Thái Lan, Ma-lai-xia... Ở nước ta, thuế TNCN bắt đầu được áp dụng từ năm 1991 với tên gọi là thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Để phù hợp với điều kiện của từng giai đoạn lịch sử, từ đó đến nay Pháp lệnh đã nhiều lần được sửa đổi bổ sung, và cụ thể nhất là tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XII, Luật thuế TNCN đã được thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009.

Tại Cục Thuế TP Đà Nẵng, số thu về thuế TNCN có xu hướng tăng cao qua từng năm. Nếu năm 2007 chiếm 1,2% tổng số thu ngân sách thì đến năm 2010 chiếm tỷ trọng khoảng 4,67% trong tổng thu NSNN. Có thể thấy, đây là một tỉ lệ khá thấp trong khi tiềm năng của nguồn thu này trên địa bàn là đáng kể. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thất thu trong lĩnh vực này, đó là: Hiện tượng trốn thuế, lách thuế còn khá phổ biến trong số các cá nhân có nhiều nguồn thu nhập, các cá nhân hành nghề tự do, các cá nhân là những chuyên gia nước ngoài hoạt động tại các BQL dự án đầu tư trong nước và ngoài nước...;

Xuất phát từ chức năng, vai trò của thuế TNCN cũng như tính cấp thiết của việc tăng cường công tác kiểm soát thuế TNCN trên địa bàn, tác giả đã chọn đề tài: “**Kiểm soát thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả thu nhập do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện**” làm đề tài nghiên cứu để viết luận văn tốt nghiệp cao học.

2. Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Thuế TNCN là sắc thuế mới ban hành, diện điều chỉnh của sắc thuế này rất rộng. Điều đó đặt ra cho các nhà quản lý hàng loạt các câu hỏi, đó là: *quản lý đối tượng ra sao? Theo dõi và quản lý thu nhập như thế nào? kiểm soát giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc của các cá nhân có thu nhập bằng cách nào? Làm gì để mọi tầng lớp dân cư trong xã*

hội với trình độ khác nhau có thể tiếp cận và thực hiện một cách dễ dàng nhất? Công tác thanh tra, kiểm tra giám sát như thế nào vừa gọn nhẹ vừa hiệu quả...

Các vấn đề nêu trên được khá nhiều người quan tâm và trên thực tế đã có một số công trình nghiên cứu nhằm góp phần làm cho chính sách thuế TNCN hoàn thiện hơn, có thể nêu ra đây một số công trình nghiên cứu tiêu biểu mà tác giả đã có điều kiện đọc và tham khảo, đó là:

1. Công trình nghiên cứu với đề tài: “**Tăng cường kiểm soát nguồn thu thuế TNCN trên địa bàn Tỉnh Phú Yên**” của tác giả Nguyễn Thị Kim Trọng - Đại học Đà Nẵng.

2. Công trình nghiên cứu với đề tài: “**Quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt nam trong điều kiện hiện nay**” của tác giả Nguyễn Văn Long - Đại học Tài chính Hà Nội.

Các công trình nghiên cứu trên đã đi sâu phân tích, đánh giá công tác kiểm soát nguồn thu thuế TNCN, Phân tích đánh giá tính tuân thủ của người nộp thuế trong điều kiện thực hiện chính sách thuế TNCN. Song để đi sâu nghiên cứu, phân tích đánh giá quá trình kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức trả thu nhập thì chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách cụ thể.

Xuất phát từ tình hình trên, tác giả đi vào nghiên cứu công tác kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện, với mong muốn góp phần vào việc hoàn thiện chính sách thuế TNCN, tăng cường kiểm soát, chống thất thu thuế TNCN trong thời gian tiếp theo.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Trên cơ sở lý luận về kiểm soát quản lý, kiểm soát thuế TNCN, luận văn đi sâu nghiên cứu thực trạng hoạt động kiểm soát thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện, từ đó đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác kiểm soát thuế TNCN, tăng cường chống thất thu thuế TNCN tại TP Đà Nẵng trong thời gian đến.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài là: Công tác kiểm soát thuế TNCN của Cục thuế TP Đà Nẵng đối với người nộp thuế TNCN là các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả thu nhập do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở Phương pháp luận duy vật biện chứng, luận văn vận dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp đối chiếu, so sánh, mô tả, thống kê trong quá trình nghiên cứu để khảo sát thực trạng công tác kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện.

6. Những đóng góp của luận văn

Luận văn làm rõ ý nghĩa của công tác kiểm soát thuế TNCN nói chung, thuế thu nhập cá nhân từ TLTC nói riêng. Luận văn nêu lên thực trạng của hoạt động kiểm soát thuế TNCN từ TLTC tại các tổ chức chi trả thu nhập do Cục thuế TP Đà Nẵng thực hiện, đồng thời đưa ra những giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động này tại Cục Thuế TP Đà Nẵng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các từ viết tắt, danh mục các bảng biểu và tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công.

Chương 2: Thực trạng kiểm soát thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả thu nhập do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện.

Chương 3: Giải pháp tăng cường kiểm soát thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả thu nhập do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

1.1. Lý luận chung về kiểm soát

1.1.1. Khái niệm về kiểm soát quản lý

Kiểm soát được hiểu là tổng hợp những phương pháp để nắm bắt và điều hành đối tượng quản lý. Với ý nghĩa đó, kiểm soát có thể hiểu theo nhiều cách: Cấp trên kiểm soát cấp dưới thông qua chính sách hoặc các biện pháp cụ thể; Đơn vị này kiểm soát đơn vị khác thông qua những chi phối đáng kể về quyền sở hữu và lợi ích tương ứng; Nội bộ đơn vị kiểm soát lẫn nhau thông qua quy chế và các thủ tục quản lý định sẵn...

Kiểm soát quản lý: Là việc đối chiếu kết quả đạt được với những quy phạm, quy định chung, với kế hoạch để đánh giá, điều chỉnh làm cho quá trình tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý một cách có hiệu quả, hiệu lực hơn, nhằm đạt được mục tiêu định trước.

1.1.2. Phân loại hoạt động kiểm soát

Hoạt động kiểm soát có thể được phân chia thành nhiều loại khác nhau, tùy theo các tiêu thức khác nhau mà chúng ta có thể phân loại các hoạt động kiểm soát, cụ thể:

(1) *Căn cứ theo nội dung của kiểm soát:* kiểm soát hành chính và kiểm soát kế toán.

(2) *Căn cứ vào mục tiêu của kiểm soát:* kiểm soát ngăn ngừa, kiểm soát phát hiện và kiểm soát điều chỉnh.

(3) *Căn cứ vào thời điểm thực hiện trong quá trình tác nghiệp:* kiểm soát trước, kiểm soát hiện hành và kiểm soát sau.

1.2. Những vấn đề cơ bản về kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công

1.2.1. Những vấn đề cơ bản về thuế TNCN

1.2.1.1. Khái niệm về thuế và thuế TNCN

* Khái niệm về thuế TNCN:

Thuế TNCN là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập của từng cá nhân trong một khoảng thời gian nhất định, thường là một năm hoặc

từng lần phát sinh.

1.2.1.2. Vai trò của công tác kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công

- Thông qua kiểm soát thuế TNCN, nhà nước sẽ kiểm soát được thu nhập của các tầng lớp dân cư trong xã hội, đó là cơ sở để hoạch định chính sách xã hội phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Ngoài ra, hoạt động kiểm soát còn giúp mọi cá nhân thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ với nhà nước, tạo ra sự công bằng xã hội.

1.2.1.3. Đối tượng nộp thuế TNCN

Luật thuế TNCN quy định đối tượng nộp thuế TNCN là các cá nhân cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt nam và các cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế phát sinh trong lãnh thổ Việt nam không phân biệt nơi chi trả thu nhập.

(1) *Cá nhân cư trú:* Theo Luật Thuế TNCN là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam;

- Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn.

(2) *Cá nhân không cư trú:* Là người không đáp ứng điều kiện quy định như cá nhân cư trú.

1.2.1.4. Căn cứ tính thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công

* **Thứ nhất, Đối với cá nhân cư trú:** Căn cứ tính thuế TNCN là thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNCN.

(1) *Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ TLTC* là tổng thu nhập chịu thuế trừ các khoản bảo hiểm bắt buộc và các khoản giảm trừ.

- **Thuế suất thuế TNCN đối với tiền công, tiền lương:** Theo quy định của Luật thuế TNCN thì biểu thuế áp dụng cho thu nhập từ tiền lương, tiền công và từ kinh doanh là biểu thuế lũy tiến từng phần.

* **Thứ hai, đối với cá nhân không cư trú**

Thuế TNCN phải nộp = TNCT từ TLTC x Thuế suất 20%

** **Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế**

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ TLTC là thời điểm tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cho cá nhân có thu nhập.

* **Trách nhiệm của tổ chức chi trả TN và người nộp thuế:**

- **Đối với cá nhân cư trú:**

+ Tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho cá nhân cư trú có trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế và quyết toán thuế theo quy định;

+ Cá nhân có thu nhập chịu thuế có trách nhiệm kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế theo quy định;

- **Đối với cá nhân không cư trú:** Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế vào NSNN theo từng lần phát sinh đối với các khoản thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân không cư trú;

1.2.2. Kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công

Là việc kiểm soát về số người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, các khoản giảm trừ gia cảnh, thuế suất, khấu trừ thuế, hoàn thuế.

1.2.2.1. Sự cần thiết của kiểm soát thuế TNCN

Thông qua hoạt động kiểm soát thuế TNCN Nhà nước thực hiện chức năng điều tiết vĩ mô nền kinh tế, khuyến khích thúc đẩy SXKD phát triển, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật về thuế cho mọi người dân trong xã hội, góp phần đảm bảo nguồn thu cho NSNN.

1.2.2.2. Những mục tiêu cơ bản của kiểm soát thuế TNCN

Thứ nhất, Kiểm soát thuế TNCN phải giúp cho công tác quản lý nguồn thu cho ngân sách được thực hiện một cách tốt nhất, tập trung và huy động đầy đủ số thu cho NSNN.

Thứ hai, Đề cao ý thức tự giác chấp hành chính sách thuế và tạo điều kiện cho người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.

Thứ ba, Nhằm điều chỉnh những bất hợp lý của chính sách thuế TNCN, hạn chế tình trạng trốn thuế, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

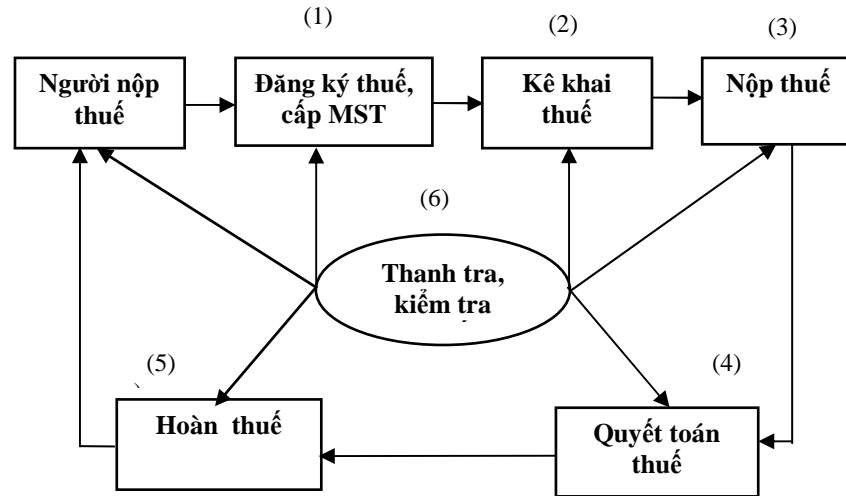
Thứ tư, Cải tiến thủ tục quản lý thuế, phân công, phân nhiệm rõ ràng, chuẩn hóa công tác quản lý thuế, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ

công chức thuế.

Thứ năm, Kiểm soát thuế TNCN phải góp phần phát huy vai trò của nó trong nền kinh tế, đó là cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin chính xác cho công tác quản lý thuế TNCN;

1.2.2.3. Quy trình quản lý thuế TNCN từ tiền lương, tiền công

Kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công đòi hỏi phải tuân theo quy trình quản lý thuế. Quy trình thể hiện bằng hình 1.1 như sau:



Hình 1.1: Sơ đồ Quy trình quản lý thuế TNCN

1.2.2.4. Quy trình kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công

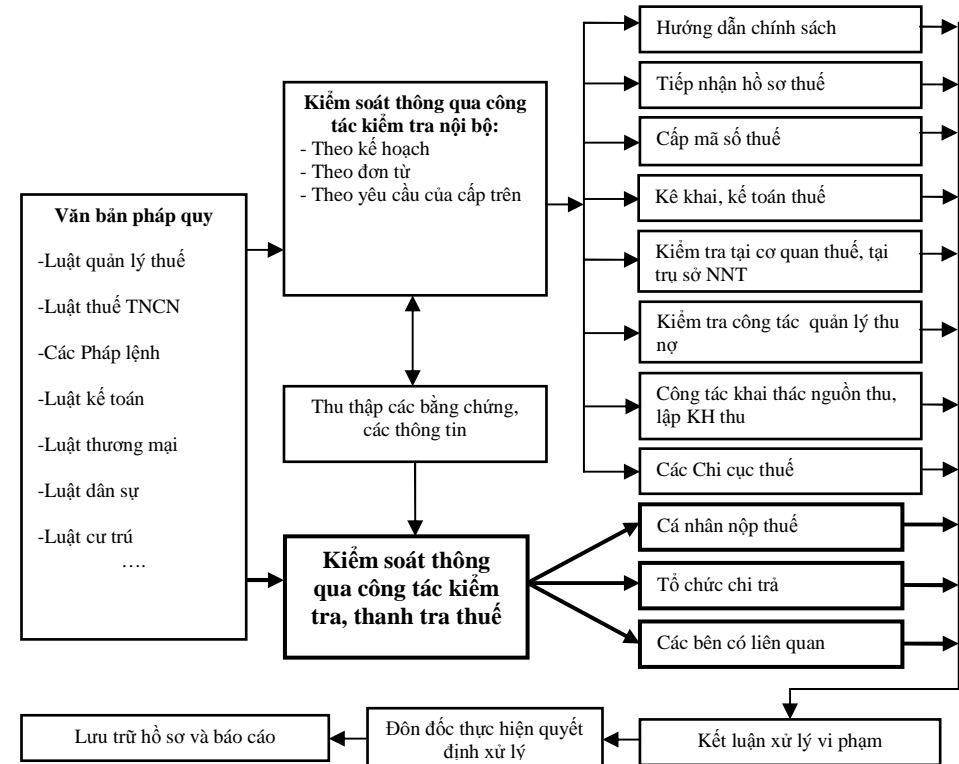
Quy trình kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công gồm:

(1) Kiểm soát thông qua hoạt động kiểm tra nội bộ ngành thuế:

Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, Cơ quan thuế triển khai hoạt động kiểm tra nội bộ ngành theo kế hoạch, theo đơn thư khiếu nại, hoặc theo yêu cầu của cấp trên. Nội dung kiểm tra gồm: kiểm tra việc hướng dẫn chính sách thuế, tiếp nhận và xử lý hồ sơ thuế.

(2) Kiểm soát thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra NNT:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, các quy trình về công tác quản lý, cơ quan thuế thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế, các tổ chức chi trả thu nhập. (Sơ đồ quy trình kiểm soát thuế TNCN. Hình 1.2)



Hình 1.2: Sơ đồ quy trình kiểm soát thuế TNCN

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến KS thuế TNCN từ TLTC

1.3.1. Các nhân tố từ các cơ quan quản lý nhà nước

- Về chính sách pháp luật của Nhà nước: Luật thuế TNCN mới ra đời dẫn đến việc nắm bắt chính sách của NNT còn nhiều hạn chế.

- Về vấn đề thanh toán qua ngân hàng: Nền kinh tế của Việt Nam hiện nay còn phổ biến hình thức thanh toán bằng tiền mặt, việc thanh toán qua hệ thống ngân hàng còn rất hạn chế.

1.3.2. Các nhân tố từ phía cơ quan thuế

- Việc bố trí bộ máy quản lý thuế tại cơ quan thuế còn bất cập, việc phân công nhiệm vụ của các bộ phận còn chồng chéo; gây ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát thuế TNCN.

- Công chức thuế mặc dù đã được đào tạo bồi dưỡng kiến thức thường xuyên, tuy nhiên trình độ chưa đồng đều, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Trang thiết bị phục vụ cho quản lý thuế còn hạn chế, các ứng dụng công nghệ phục vụ lưu trữ dữ liệu về thuế TNCN chưa hoàn thiện.

1.3.3. Các nhân tố từ phía người nộp thuế

- Đại bộ phận người dân nhận thức về thuế còn thấp, chưa hiểu rõ bản chất tốt đẹp của thuế TNCN, tình trạng trốn thuế, gian lận về thuế còn khá phổ biến dẫn đến thất thu cho NSNN.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT THUẾ TNCN TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG TẠI CÁC TỔ CHỨC CHI TRẢ THU NHẬP DO CỤC THUẾ TP ĐÀ NẴNG THỰC HIỆN

2.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của TP Đà Nẵng

2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của TP. Đà Nẵng

Trong những năm qua, GDP bình quân đầu người ở Đà Nẵng luôn tăng trưởng, hiện nay GDP bình quân đầu người của Đà Nẵng là 1.640 USD, tốc độ tăng GDP hàng năm 13,2%/năm. Thu nhập của người dân ngày càng tăng lên đáng kể sẽ là nguồn lực lớn trong việc ổn định và phát triển kinh tế xã hội cũng như việc tăng thu cho NSNN.

2.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội TP. Đà Nẵng

Duy trì tốc độ tăng trưởng của thành phố cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân chung cả nước, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ vững chắc an ninh, quốc phòng.

2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Cục Thuế TP Đà Nẵng

Cục Thuế TP Đà Nẵng được thành lập từ ngày 01/10/1990 theo Nghị định 281/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), là tổ chức trực thuộc Tổng cục Thuế.

Cơ cấu tổ chức của Cục Thuế TP Đà Nẵng được thực hiện theo Quyết định số 49/2007/QĐ-BTC ngày 15/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Cục Thuế Đà Nẵng gồm có 12 phòng và 07 Chi cục trực thuộc.

2.3. Công tác kiểm soát thuế TNCN đối với thu nhập từ TLTC tại các tổ chức chi trả do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện

Để đánh giá thực trạng công tác kiểm soát thuế TNCN đối với các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện, luận văn đề cập đến 2 mảng nội dung:

Thứ nhất, Đánh giá quy trình kiểm soát thuế TNCN.

Thứ hai, Căn cứ quy trình kiểm soát thuế TNCN, tác giả đánh giá việc thực hiện kiểm soát thuế TNCN tại các tổ chức chi trả thu nhập do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện.

2.3.1. Quy trình kiểm soát thuế TNCN từ TLTC

Quy trình kiểm soát thuế TNCN được thể hiện từ khâu đăng ký cấp MST, khai thuế và xử lý khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, hoàn thuế, thanh tra, kiểm tra thuế, cụ thể:

2.3.1.1. Quy trình kiểm soát đăng ký thuế, cấp MST

Có hai hình thức để cá nhân thực hiện việc đăng ký thuế, gồm:

Một là, đăng ký thông qua tổ chức chi trả thu nhập: Cá nhân có trách nhiệm làm tờ khai đăng ký cấp MST, tổ chức chi trả thu nhập tập hợp lại và nộp cho cơ quan thuế để làm thủ tục cấp MST.

Hai là, đăng ký tại cơ quan thuế: Các cá nhân ngoài việc đăng ký mã số thuế thông qua tổ chức chi trả thì có thể tự thực hiện nộp tờ khai đăng ký cấp mã số thuế tại cơ quan thuế.

2.3.1.2. Quy trình kiểm soát kê khai và xử lý kê khai thuế

- *Quy trình thực hiện kiểm soát kê khai và xử lý kê khai thuế:*

Bộ phận một cửa tiếp nhận tờ khai do NNT nộp trực tiếp tại cơ quan thuế. Trong ngày hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo chuyển tờ khai đến phòng KK&KTT. Phòng KK&KTT kiểm tra tính hợp lệ của các tờ khai. Nếu tờ khai đã hợp lệ thì nhập toàn bộ thông tin vào hệ thống máy tính. Nếu tờ khai thuế không hợp lệ thì yêu cầu người nộp thuế lập lại tờ khai.

+ Về xử lý kê khai thuế: Để cung cấp thông tin hỗ trợ người nộp thuế thực hiện kê khai thuế, bộ phận một cửa thực hiện cung cấp thông

tin, mẫu biểu kê khai thuế và hướng dẫn người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế và nộp hồ sơ khai thuế đúng quy định.

2.3.1.3. Quy trình kiểm soát nộp thuế và xử lý chứng từ nộp

Phòng KK&KTT thu nhận các chứng từ nộp thuế của người nộp thuế từ Kho bạc chuyển đến, tiến hành phân loại chứng từ theo tài khoản nộp thuế, theo đối tượng lập chứng từ, theo loại chứng từ; thực hiện kiểm tra đối chiếu các chứng từ nộp tiền đảm bảo đúng mẫu và đầy đủ các chỉ tiêu theo quy định;

2.3.1.4. Quy trình kiểm soát quyết toán thuế TNCN từ TLTC

- *Nguyên tắc quyết toán thuế:* Quyết toán thuế đối với thu nhập thường xuyên được thực hiện theo năm dương lịch. Cuối năm hoặc sau khi hết hạn hợp đồng, cá nhân tổng hợp thu nhập chịu thuế trong năm, khai và nộp tờ khai QTT; Có hai cách thực hiện, đó là:

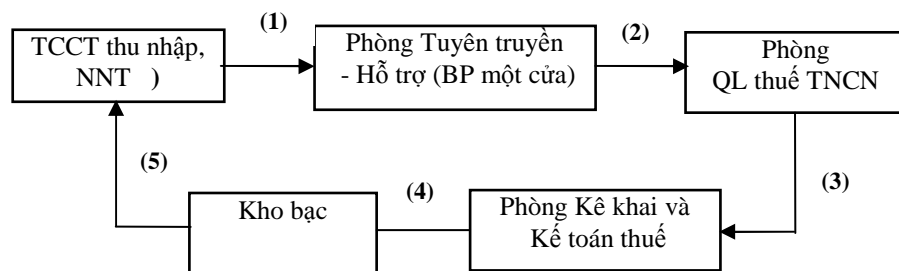
1. Quyết toán thuế tại tổ chức chi trả thu nhập áp dụng đối với cá nhân trong năm chỉ có thu nhập duy nhất tại một nơi.

2. Quyết toán thuế trực tiếp tại cơ quan thuế áp dụng đối với cá nhân trong năm có thu nhập từ hai nơi trở lên.

- *Quy trình kiểm soát khâu quyết toán thuế:* Bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ QTT từ NNT, sau khi kiểm tra hồ sơ đúng quy định thì chuyển về phòng KK&KTT ngay trong ngày hoặc chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo. Phòng KK&KTT kiểm tra, nếu hồ sơ đúng thì nhập vào chương trình QLT, nếu sai thì yêu cầu NNT làm lại.

2.3.1.5. Quy trình kiểm soát hoàn thuế TNCN từ TLTC

đã tạm nộp lớn hơn số phải nộp, được lập hồ sơ đề nghị hoàn.



Hình 2.1: Quy trình hoàn thuế Thu nhập cá nhân

2.3.1.6. Hoạt động kiểm soát trong khâu Thanh tra, kiểm tra thuế TNCN từ tiền lương, tiền công

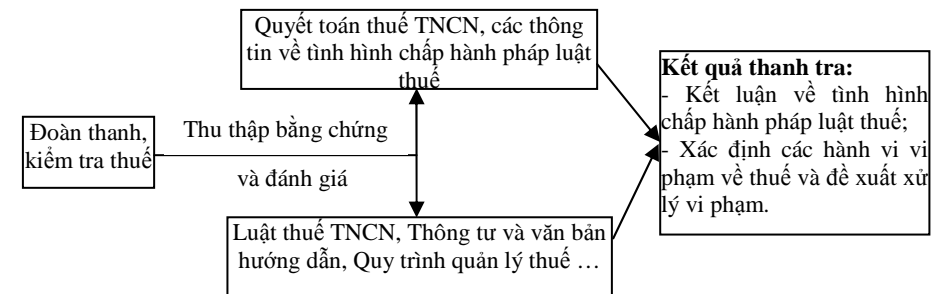
Thanh tra, kiểm tra thuế là công cụ quan trọng để kiểm soát thuế TNCN theo cơ chế tự khai, tự nộp. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc bất thường. Cụ thể:

(1) *Lập kế hoạch thanh tra:* Vào quý 4 hàng năm, Cục thuế có trách nhiệm lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra cho năm sau trên cơ sở phân tích thông tin về thuế của người nộp thuế.

(2) *Thực hiện thanh tra, kiểm tra:* Bao gồm các bước công việc:

+ Chuẩn bị thanh tra kiểm tra: Phân tích các thông tin có liên quan đến NNT trong kế hoạch để xác định những rủi ro về thuế tập trung ở khâu nào của quy trình và ban hành Quyết định thanh tra, kiểm tra.

+ Tiến hành thanh tra, kiểm tra tại đơn vị chi trả thu nhập: Sơ đồ cuộc thanh tra được thể hiện như hình sau:



Hình 2.2 Sơ đồ một cuộc thanh tra, kiểm tra tại tổ chức chi trả

Căn cứ vào mục đích như kiểm tra quyết toán thuế, miễn giảm thuế, hoàn thuế TNCN hoặc thanh tra toàn diện mà tiến hành kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ. Trong toàn bộ quá trình thanh, kiểm tra, đoàn thanh tra phải lập nhật ký để ghi nhận diễn biến của từng cuộc thanh tra, kiểm tra.

+ Lập biên bản: Kết thúc thanh tra, kiểm tra đoàn thanh, kiểm tra phải lập biên bản thanh tra, kiểm tra. Biên bản yêu cầu phải ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, phản ánh đầy đủ kết quả của cuộc thanh tra, kiểm tra và những kiến nghị xử lý vi phạm.

(3) *Xử lý kết quả thanh tra, kiểm tra:* Trong thời hạn 10 ngày kể từ sau ngày công bố biên bản thanh tra, kiểm tra; cơ quan Thuế phải ban hành quyết định xử lý gửi NNT.

(4) *Đánh giá kết quả cuộc thanh tra, kiểm tra, lưu trữ hồ sơ; theo dõi việc thực hiện Quyết định xử lý và báo cáo thực hiện kế hoạch:*

Quy định này nhằm tổng kết kinh nghiệm, tìm ra những dạng hành vi vi phạm, hình thức trốn thuế... phương pháp phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm đó; thực hiện lưu trữ hồ sơ; theo dõi đôn đốc thu vào NSNN các khoản thuế truy thu và tiền phạt theo quy định.

2.3.2. Những bất cập về chính sách trong quy trình kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công

Qua phân tích quy trình kiểm soát thuế TNCN, tác giả nêu ra một số bất cập trong quy trình ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công, cụ thể như sau:

2.3.2.1. Về quy trình kiểm soát đăng ký mã số thuế

Về cơ bản các cá nhân làm việc tại các tổ chức chi trả đều được hướng dẫn làm hồ sơ đăng ký MST theo quy định. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ cá nhân chưa quan tâm và thậm chí không thực hiện đăng ký MST, điều đó ảnh hưởng rất lớn đến việc kiểm soát thu nhập.

2.3.2.2 Về quy trình kiểm soát khai thuế TNCN từ TLTC

Việc khai thuế do NNT tự thực hiện, cơ quan thuế chỉ có thể kiểm soát việc khai thuế thông qua các chỉ tiêu trên tờ khai của NNT, Việc khai đủ thu nhập chịu thuế hay không, tình hình khai giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc đúng hay sai... hiện nay vẫn ngoài tầm kiểm soát của cơ quan thuế.

2.3.2.3. Về quy trình kiểm soát việc nộp thuế và xử lý chứng từ nộp

Theo quy định thì người nộp thuế phải thực hiện nộp thuế trực tiếp vào kho bạc nhà nước, như vậy là chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ của mình. Trong điều kiện phát triển và hội nhập ngày nay, ngành thuế cần có cơ chế để người nộp thuế có thể nộp tiền thuế thông qua tài khoản ngân hàng trên toàn hệ thống. Có như vậy mới đảm bảo tạo điều kiện để NNT dễ thực hiện.

2.3.2.4. Về quy trình kiểm soát quyết toán thuế TNCN từ TLTC

Mẫu biểu quyết toán thuế TNCN quá nhiều chỉ tiêu, phức tạp và khó hiểu dẫn đến người nộp thuế gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện khai quyết toán thuế. Những cá nhân có thu nhập từ nhiều nơi trong cùng một năm tài chính sẽ rất khó có thể nhớ và tổng hợp thu nhập để quyết toán thuế theo đúng quy định.

2.3.2.5. Về quy trình kiểm soát hoàn thuế TNCN từ TLTC

Các cá nhân khi thực hiện quyết toán thuế, nếu có số thuế nộp thừa thì đề nghị hoàn. Tuy nhiên thủ tục hoàn thuế hiện nay theo quy trình còn rườm rà dẫn đến các cá nhân ngại thực hiện. Bên cạnh đó do khâu kiểm soát thu nhập không chặt chẽ dẫn đến có nhiều cá nhân không khai đủ thu nhập trong năm nhưng vẫn quyết toán đề nghị hoàn gây thất thu cho NSNN.

2.3.2.6. Về quy trình kiểm soát thông qua thanh tra, kiểm tra

Quy trình thanh tra, kiểm tra người nộp thuế được quy định khá chặt chẽ, tuy nhiên đối tượng nộp thuế TNCN là cá nhân có thu nhập, do vậy để tiến hành thanh tra, kiểm tra các cá nhân là không hiệu quả, đặc biệt là cá nhân có thu nhập từ TLTC thì càng không dễ thực hiện.

2.3.3. Thực trạng triển khai quy trình kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công tại Cục Thuế TP. Đà Nẵng

Để có cơ sở đánh giá thực trạng tình hình triển khai quy trình kiểm soát thuế TNCN tại Cục Thuế TP Đà Nẵng, tác giả tiến hành phỏng vấn trực tiếp các cán bộ thuế là lãnh đạo và các nhân viên tác nghiệp trực tiếp tại các phòng có liên quan đến việc thực hiện quy trình kiểm soát thuế TNCN. Cụ thể:

- **Về vấn đề kiểm soát khâu đăng ký mã số thuế, khai thuế, xử lý chứng từ nộp thuế:** Tác giả trực tiếp phỏng vấn Trưởng phòng của Phòng TTHT, Phòng KK&KTT, Phòng tin học và 12 công chức trực tiếp tác nghiệp tại các bộ phận tiếp nhận hồ sơ khai thuế, nhập dữ liệu khai thuế và cập nhật thông tin trên các cổng thông tin của ngành.

- **Về vấn đề kiểm soát trong khâu quyết toán thuế, hoàn thuế, thanh kiểm tra thuế:** Tác giả trực tiếp phỏng vấn các trưởng phòng

của Phòng Thuế TNCN, Phòng kiểm tra thuế, Phòng Thanh tra thuế và 15 công chức tác nghiệp tại các bộ phận xử lý hồ sơ hoàn thuế, xử lý chứng từ nộp thuế, thanh tra, kiểm tra thuế.

Qua phỏng vấn trực tiếp những công chức tác nghiệp tại các bộ phận liên quan trên cho thấy quá trình thực hiện quy trình kiểm soát về thuế TNCN tại các tổ chức chi trả do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện thời gian qua còn có nhiều bất cập, thiếu chặt chẽ dẫn đến thất thoát tiền thuế, cần phải có giải pháp chấn chỉnh, đó là:

2.3.3.1. Về kiểm soát đăng ký mã số thuế

Ngành thuế Đà Nẵng đã có nhiều nỗ lực trong triển khai đăng ký MST cho mọi cá nhân trên địa bàn theo quy định. Tuy nhiên hiện tại việc đăng ký MST của các cá nhân vẫn chưa đạt kết quả như mong muốn. Trong đó nổi lên là các cá nhân hành nghề tự do, các cá nhân ký hợp đồng thời vụ... Việc không thực hiện đăng ký MST cá nhân đầy đủ một phần lớn do ý thức của người dân trong đó có phần trách nhiệm của các tổ chức chi trả thu nhập. Qua khảo sát thì các doanh nghiệp nhỏ và vừa có tỉ lệ nhân viên không có mã số thuế nhiều nhất, sau đó là trường học, các cơ quan HCSN, Ban quản lý dự án...

2.3.3.2. Về kiểm soát trong khâu khai thuế

Theo quy định thì các tổ chức chi trả thực hiện khai thuế thay cho các cá nhân có thu nhập tại tổ chức mình trên cơ sở khấu trừ tiền thuế khi chi trả thu nhập cho các cá nhân. Tuy nhiên trên thực tế, do thiếu năm bắt chính sách nên có nhiều tổ chức chi trả thu nhập nhưng không khấu trừ thuế, hoặc khấu trừ không đúng thời điểm chi trả... dẫn đến số thuế khai trong từng kỳ không đúng, không phản ánh đúng thu nhập phát sinh của các cá nhân, gây khó khăn cho công tác kiểm soát.

2.3.3.3. Về hoạt động kiểm soát quyết toán thuế

Trong năm 2010 có trên 90% các tổ chức chi trả thuộc diện phải quyết toán thuế TNCN đã nộp quyết toán đúng thời gian. Tuy nhiên để đánh giá chất lượng khai quyết toán của các tổ chức chi trả, tác giả chọn ngẫu nhiên 100 hồ sơ quyết toán của các tổ chức chi trả nộp trong năm 2010 có số thuế nộp lớn để nghiên cứu. Kết quả cho thấy có 40 hồ sơ

khai đúng quy định, chiếm tỉ lệ 40%, có 60 hồ sơ khai sai các chỉ tiêu trên mẫu tờ khai, dẫn đến không sử dụng để khai thác thông tin được chiếm 60%. Việc khai quyết toán không chính xác sẽ gây ra rất nhiều khó khăn cho công tác kiểm soát.

2.3.3.4. Về hoạt động kiểm soát trong công tác thanh tra, kiểm tra

Qua nghiên cứu hoạt động kiểm soát trong công tác thanh kiểm tra thuế tại các tổ chức chi trả do Cục Thuế Đà Nẵng thực hiện trong năm 2010, gồm 89 hồ sơ thanh tra, 240 hồ sơ kiểm tra. Tác giả nhận thấy, Phần lớn các tổ chức chi trả khai thiếu thu nhập, khấu trừ thiếu thuế, sót thuế của các cá nhân trong đơn vị, không ghi nhận đầy đủ thông tin của cá nhân khi chi trả thu nhập, gây khó khăn cho công tác kiểm soát.

2.4. Đánh giá thực trạng kiểm soát thuế TNCN từ TLTC

2.4.1. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công tại Cục thuế TP Đà Nẵng

2.4.1.1. Những ưu điểm

Để triển khai Luật Quản lý thuế, ngành thuế Đà Nẵng đã tổ chức mô hình quản lý theo chức năng. Qua áp dụng Luật thuế thu nhập cá nhân, nhìn chung công tác quản lý thu thuế đã phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Thành phố, Cụ thể là:

- Cục Thuế đã tuân thủ đúng các bước của quy trình QLT.
- Tổ chức kiểm soát việc tuân thủ pháp luật thuế từ khâu đăng ký MST đến khai thuế, nộp thuế, quyết toán, hoàn thuế;
- Kết hợp hướng dẫn, kiểm soát kê khai nộp thuế TNCN;
- Đối chiếu với phòng Hành chính - Tài vụ - Ấn chỉ về tình hình cấp phát, sử dụng chứng từ khấu trừ của các đơn vị để kiểm tra, kiểm soát việc kê khai, nộp thuế của tổ chức chi trả.

2.4.1.2. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm soát thuế TNCN của Cục Thuế Đà Nẵng vẫn còn những hạn chế sau:

- Quy trình kiểm soát thuế TNCN hiện nay chưa được tin học hoá triệt để, phần nhiều còn sử dụng phương pháp thủ công..

- Thực trạng công tác kiểm soát thuế TNCN chưa được chú trọng đúng mức, chủ yếu tập trung vào các tổ chức chi trả có khai các loại thuế khác như thuế GTGT, thuế TNDN...

- Đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thuế còn ít về số lượng, một bộ phận còn yếu chuyên môn, chưa có sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ phù hợp với điều kiện của địa phương, đơn vị.

2.4.2. Các nhân tố ảnh hưởng và vấn đề đặt ra cho công tác kiểm soát thuế TNCN tại Cục thuế Thành Phố Đà Nẵng

2.4.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát thuế TNCN TLTC

*** Các nhân tố từ phía cơ quan quản lý Nhà nước**

- Mức thuế suất thuế TNCN hiện hành ở nước ta còn khá cao so với các nước trong khu vực. Cơ chế quản lý còn nhiều bất cập, chưa có biện pháp hỗ trợ quản lý thu chặt chẽ, chính sách sửa đổi bổ sung chưa theo kịp thực tiễn cuộc sống.

*** Các nhân tố từ phía người nộp thuế.**

Ý thức của người dân về thực hiện nghĩa vụ thuế rất hạn chế, tình trạng người nộp thuế cố tình trốn tránh nghĩa vụ thuế còn phổ biến trong xã hội. Nhận thức về quyền và nghĩa vụ của công dân trước pháp luật chưa được cao.

2.4.2.2. Những vấn đề đặt ra cho công tác kiểm soát thuế TNCN

(1) Về tổ chức bộ máy kiểm soát thuế:

Tăng cường nhân lực cho bộ phận quản lý và kiểm tra giám sát thuế TNCN. Hiện tại nhân lực phân bổ cho bộ phận này ở cơ quan Cục Thuế cũng như các Chi cục Thuế còn quá mỏng, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

(2) Về công tác kiểm soát thuế TNCN:

Tăng cường công tác phối kết hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các tổ chức chi trả cũng như các tổ chức đoàn thể xã hội trong công tác tuyên truyền chính sách pháp luật về thuế TNCN.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ TNCN TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG TẠI CÁC TỔ CHỨC CHI TRẢ THU NHẬP DO CỤC THUẾ TP ĐÀ NẴNG THỰC HIỆN

3.1. Mục đích và yêu cầu của công tác kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công trên địa bàn TP Đà Nẵng

3.1.1. Mục đích của việc tăng cường kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công:

Thuế TNCN là một sắc thuế mới, đối tượng điều chỉnh rất rộng, đa dạng và phức tạp. Làm tốt công tác kiểm soát sẽ giúp ổn định nguồn thu cho NSNN, tăng cường ý thức chấp hành chính sách thuế của người dân, đồng thời thông qua kiểm soát thuế TNCN, nhà quản lý sẽ hoàn thiện chính sách thuế phù hợp với thực tiễn.

3.1.2. Yêu cầu về đáp ứng xu thế phát triển và hội nhập:

Theo thông lệ quốc tế, thuế trực thu sẽ chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong tổng thu NSNN. Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập và phát triển, thu nhập dân cư ngày càng cao. Tăng cường kiểm soát thuế TNCN sẽ đáp ứng được yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

3.1.3. Yêu cầu về sự ổn định nguồn thu cho NSNN:

Thuế TNCN luôn giữ vai trò quan trọng trong hệ thống chính sách thuế của các quốc gia. Trong điều kiện hội nhập và phát triển việc tăng thu từ thuế TNCN đảm bảo ổn định nguồn thu là việc làm cần thiết, muốn vậy cần tăng cường công tác kiểm soát thuế TNCN.

3.2. Những giải pháp tăng cường KS thuế TNCN từ TLTC

3.2.1. Những giải pháp trước mắt

3.2.1.1 Về quy trình kiểm soát hoạt động đăng ký thuế TNCN

Cần ban hành mẫu biểu đơn giản, dễ thực hiện; Xây dựng hệ thống lưu trữ thông tin về người nộp thuế đáp ứng yêu cầu, dễ khai thác, dễ truy xuất dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý. Làm tốt công tác cập nhật thông tin về người nộp thuế.

3.2.1.2. Về quy trình kiểm soát khai thuế

- Mục đích của quy trình là làm tốt việc xác định nghĩa vụ khai thuế của

người nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế phát sinh thu nhập.

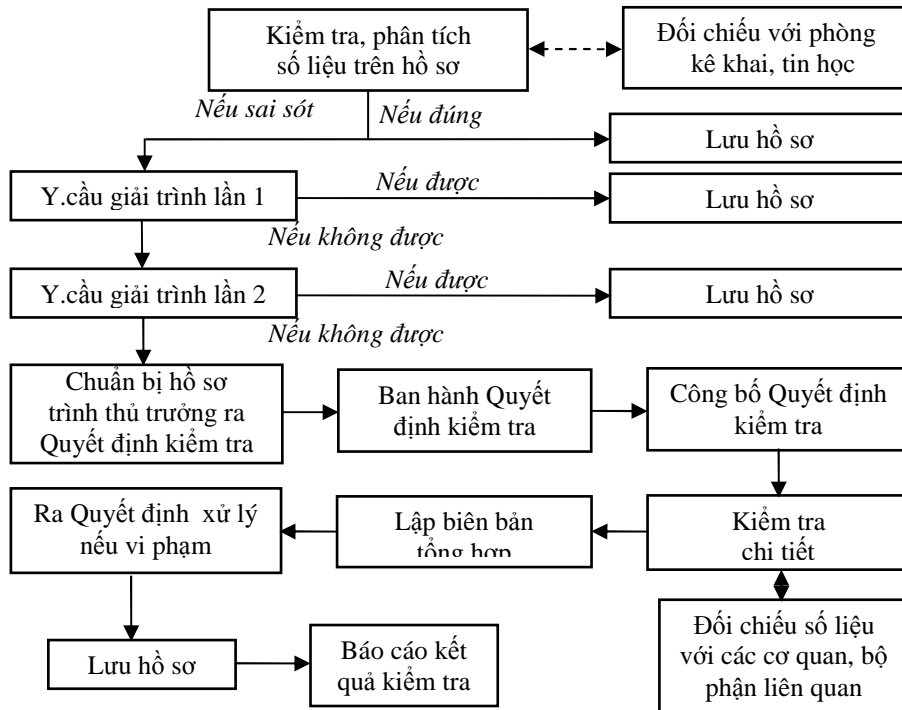
- Xử lý kịp thời hồ sơ khai thuế, nhập dữ liệu nhanh chóng, chính xác số liệu khai thuế, kiểm tra tính chính xác của hồ sơ, hạch toán số thuế phải nộp theo từng đối tượng để tiện theo dõi, đơn đốc thu nộp.

- Xác định chính xác số thuế hoàn trả cho các tổ chức cá nhân và lập thủ tục chi trả tiền hoàn thuế kịp thời, nhanh gọn tránh gây phiền hà cho người nộp thuế.

3.2.1.3. Về kiểm soát thông qua quy trình thanh tra, kiểm tra

Quy trình thanh tra, kiểm tra thuế TNCN đã được ban hành và đang được áp dụng, tuy nhiên trên thực tế mô hình này vẫn còn những bất cập nhất định. Để công tác thanh, kiểm tra đạt hiệu quả, tác giả đề xuất hoàn thiện mô hình Thanh, kiểm tra theo hướng sau (hình 3.1 và hình 3.2):

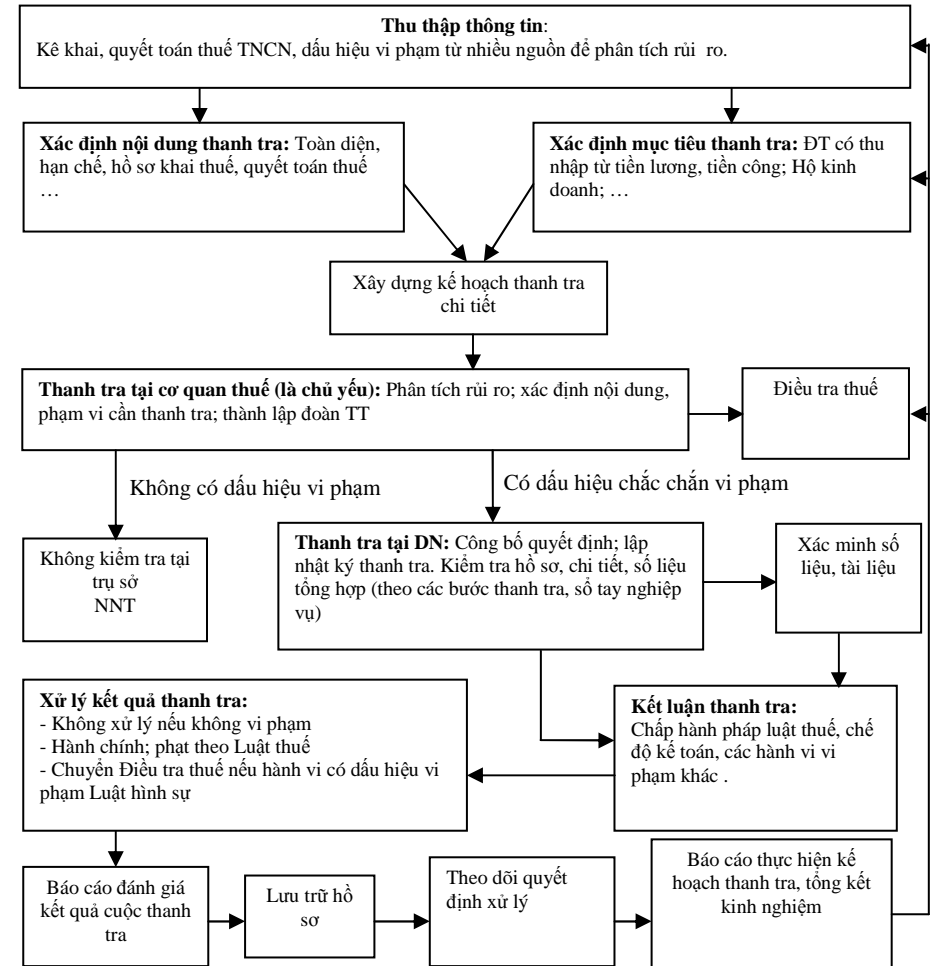
A. Hoàn thiện quy trình kiểm tra thuế TNCN từ TLTC



Hình 3.1: Hoàn thiện quy trình kiểm tra thuế TNCN

B. Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế TNCN từ TLTC

Quy trình thanh tra thuế TNCN là quy trình xuyên suốt trong hoạt động kiểm sát thuế TNCN, để công tác thanh tra thuế TNCN đạt hiệu quả cần phải hoàn thiện quy trình thanh tra thuế TNCN. Quy trình được hoàn thiện theo mô hình sau:



Hình 3.2: Hoàn thiện quy trình thanh tra thuế TNCN

* *Sự khác biệt của mô hình này so với mô hình hiện tại:* Việc thanh tra thuế TNCN từ tiền lương, tiền công được thực hiện chủ yếu ở cơ quan thuế qua 2 bước:

Bước 1: Thu thập thông tin và phân tích thông tin về dấu hiệu vi phạm của người nộp thuế trước khi lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

Bước 2: Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra tại cơ quan thuế trên cơ sở phân tích rủi ro các thông tin và dữ liệu trên hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế. Nếu xác định có hành vi gian lận về thuế TNCN từ tiền lương, tiền công thì mới tiến hành thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra tại tổ chức chi trả thu nhập.

* *Ưu điểm của mô hình này so với mô hình thanh tra, kiểm tra hiện tại:*

- Nhiệm vụ phân tích rủi ro là việc thực hiện chủ yếu ở cơ quan thuế, nhằm đảm bảo cho công tác thanh tra, kiểm tra tại tổ chức chi trả đúng mục tiêu và đạt hiệu quả hơn.

- Xác định rõ mối quan hệ giữa thanh tra thuế và điều tra thuế nhằm tránh sự chồng chéo về chức năng của mỗi bộ phận.

- Căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế có thể tổng hợp rút ra những kinh nghiệm để phục vụ công tác điều tra hành chính về thuế, phân tích và lập kế hoạch cho năm sau, từ đó nâng cao hiệu quả việc kiểm soát thuế TNCN.

3.2.1.4. Giải pháp kiểm soát đối với thu nhập từ TLTC

Theo tổng hợp tình hình thì đến cuối năm 2010 tại cơ quan Cục Thuế TP Đà Nẵng theo dõi quản lý khoảng 135.000 cá nhân làm công ăn lương trong các tổ chức kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp. Để kiểm soát được thu nhập của một số lượng người nộp thuế lớn từ tiền lương và tiền công như vậy, giải pháp trước mắt là kiểm soát thông qua các tổ chức chi trả thu nhập. Đồng thời với đó là đôn đốc cấp MST cho tất cả mọi cá nhân trong các tổ chức chi trả. Đối với những đối tượng vắng lai, tổ chức chi trả phải khấu trừ thuế TNCN khi chi trả thu nhập theo tỉ lệ quy định. Đặc biệt những trường hợp có thu nhập lớn có thể khấu trừ theo tỉ lệ tương ứng của biểu lũy tiến từng phần để tránh thất thu cho NSNN.

3.2.1.5. Giải pháp kiểm soát kê khai giảm trừ gia cảnh

Hiện nay ngành thuế chưa có hệ thống ứng dụng để nhập hồ sơ giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc, đây là hạn chế rất lớn dẫn đến không thể kiểm soát được tình hình kê khai của người nộp thuế. Tuy nhiên để khắc phục tình trạng gian lận, ngành thuế cần thường xuyên làm việc và gán trách nhiệm kiểm soát cho các tổ chức chi trả thu nhập, bên cạnh đó tập trung rà soát đối chiếu để ngăn chặn. Về lâu dài, ngành thuế cần xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu này nhằm phục vụ cho công tác quản lý thuế theo hướng hiện đại.

3.2.2. Những giải pháp lâu dài

3.2.2.1. Giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt

Nhà nước cần ban hành quy định chặt chẽ để tất cả giao dịch thanh toán phải được thực hiện thông qua hệ thống ngân hàng; khi mọi thu nhập của cá nhân, tổ chức được thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng thì cơ quan thuế sẽ có điều kiện quản lý chặt chẽ và bao quát được tất cả các nguồn thu nhập làm cơ sở cho việc xác định nghĩa vụ thuế.

3.2.2.2. Giải pháp nâng cao năng lực cán bộ công chức thuế

Trong giai đoạn hội nhập và phát triển, để đáp ứng yêu cầu đòi hỏi công chức thuế phải có trình độ chuyên môn chuyên sâu trong từng lĩnh vực, có kiến thức tin học, ngoại ngữ... Có khả năng giao tiếp và giải quyết công việc khoa học, hiệu quả. Muốn vậy cần có chương trình kế hoạch cụ thể, tạo điều kiện để công chức thuế được tiếp cận học tập thường xuyên, liên tục.

3.2.2.3. Giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền chính sách thuế

Xuất phát từ nhận thức của người dân còn hạn chế, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao, do vậy công tác tuyên truyền chính sách thuế đến mọi tầng lớp dân cư luôn được xem là công việc lâu dài, bền bỉ của ngành thuế nói riêng và của các cấp, các ngành nói chung. Đặc biệt cần phải nghiên cứu xây dựng hệ thống giáo trình tuyên truyền chính sách thuế trong các cấp học của hệ thống giáo dục quốc gia, nhằm tạo ý thức chấp hành chính sách pháp luật về thuế cho mọi công dân ngay từ nhỏ.

3.3. Điều kiện thực hiện các giải pháp được đề xuất

3.3.1. Đối với Nhà nước và các cơ quan chức năng

- Để cơ sở tính thuế TNCN thì phải nắm được thu nhập chịu thuế TNCN. Với một đất nước có hơn 80% giao dịch bằng tiền mặt như Việt Nam hiện nay thì kiểm soát thu nhập là việc làm hết sức khó khăn,. Do vậy , Nhà nước cần phải ban hành ngay các quy định để chuyển đổi các hình thức thanh toán thu nhập từ tiền mặt sang hệ thống tín dụng.

- Để đảm bảo kiểm soát tốt thuế TNCN thì việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu quản lý là rất quan trọng. Do vậy cần đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại các cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường kết nối, trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý thuế;

- Tăng cường đầu tư xây dựng trung tâm xử lý dữ liệu tập trung của ngành thuế, qua đó hoàn thiện cơ sở dữ liệu về thông tin người nộp thuế để phục vụ công tác kiểm soát thuế TNCN.

3.3.2. Đối với chính sách pháp luật về thuế

Cần phải xây dựng hệ thống chính sách thuế chặt chẽ, dễ hiểu dễ thực hiện. Muốn vậy đòi hỏi các cơ quan xây dựng phải có quá trình nghiên cứu căn cơ , kỹ lưỡng, đảm bảo ban hành văn bản phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3.3.3. Đối với ngành thuế

Là cơ quan thực thi chính sách thuế, trước hết ngành thuế phải hoàn thiện bộ máy hoạt động có hiệu quả, đồng thời phát huy vai trò trên cơ sở thực hiện các nội dung sau:

3.3.3.1. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Tăng cường đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ công chức thuế về chuyên môn nghiệp vụ, bên cạnh việc giáo dục phẩm chất, đạo đức.

3.3.3.2. Tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế về chính sách thuế TNCN.

Chính sách thuế TNCN còn khá mới mẻ, do vậy đòi hỏi cần tăng cường công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế nói riêng, mọi người dân nói chung. Thông qua công tác tuyên truyền hỗ trợ sẽ giúp NNT thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với xã hội.

KẾT LUẬN

Đề tài: “ Kiểm soát thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả thu nhập do Cục Thuế TP Đà Nẵng thực hiện” đã tập trung làm rõ một số vấn đề sau:

1. Đề tài đã đi sâu nghiên cứu những lý luận cơ bản về kiểm soát thuế TNCN, phân tích thực trạng công tác kiểm soát thuế TNCN từ tiền lương, tiền công tại các tổ chức chi trả thu nhập do Cục thuế TP Đà Nẵng thực hiện, rút ra những ưu điểm và hạn chế của công tác kiểm soát thuế TNCN.

2. Từ những tồn tại đó, luận văn đưa ra những giải pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác kiểm soát thuế TNCN, cụ thể là:

- Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý của Cục Thuế TP Đà Nẵng.
- Giải pháp kiểm soát thu thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công.
- Giải pháp kiểm soát kê khai giảm trừ gia cảnh.
- Hoàn thiện công tác thanh tra kiểm tra thông qua việc hoàn thiện quy trình thanh tra, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công chức làm công tác thanh tra, kiểm tra.
- Giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt.
- Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế về Luật thuế TNCN.
- Kiến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước nhằm tăng cường công tác kiểm soát thuế TNCN trong thời gian đến.